



TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Số 99/CTTK-KHTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
 - Mã chứng khoán: CEC
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 21A phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội
 - Điện thoại: 024.3845.5777
 - Fax: 024.3823.2325
 - Người thực hiện công bố thông tin: Trương Thị Minh Thu

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin về việc Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/3/2019 (đường dẫn: www.ceco.com.vn/Quan_hệ_cổ_đồng/Thông_tin_tài_chính).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trương Thị Minh Thu

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 03 năm 2018.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Chemical Industry Engineering Joint stock Company.

Tên viết tắt: CECO

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất:

Công ty	Ngành nghề	% Sở hữu (theo ĐKDN)	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất	55,33%	55,33%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa Chất	Xây dựng ngành hóa chất	51,00%	51,00%
Trung tâm phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học và dịch vụ khoa học công nghệ	100,00%	100,00%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hiền Ngang	Chủ tịch (Đến ngày 31/03/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch (Từ ngày 01/04/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên (Đến ngày 31/03/2018)
Ông Đỗ Hiền Ngang	Ủy viên (Từ ngày 01/04/2018)
Ông Đinh Đức Bộ	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Thắng	Ủy viên (Từ nhiệm từ ngày 01/05/2018)

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Dịu	Trưởng ban (Đến ngày 30/04/2018)
Bà Trương Thanh Vân	Trưởng ban (Từ ngày 01/05/2018)
Ông Trần Thị Minh Trang	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thu	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc (Đến hết tháng 02/2018)
Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2018)
Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Công Thắng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Số: 281/2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

01
-N
V
4
V
H
1
A

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 17-02-389-HN vào ngày 28 tháng 03 năm 2018 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.



A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Nguyễn Ngọc Khánh.

Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

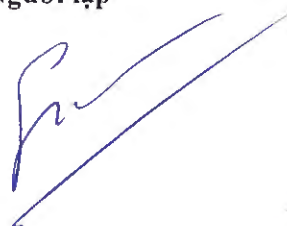
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		562.580.512.647	418.554.972.341
I- Tiền	110	5.1	72.162.473.810	82.137.132.695
1. Tiền	111		54.139.150.336	32.137.132.695
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.023.323.474	50.000.000.000
III- Các khoản phải thu	130		301.567.051.038	158.995.376.720
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	83.419.765.964	126.426.744.098
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	62.769.463.416	22.926.124.137
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134	5.4	141.692.399.477	1.900.083.748
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	15.491.778.735	9.548.781.291
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.806.356.554)	(1.806.356.554)
IV- Hàng tồn kho	140		188.792.033.050	177.288.174.975
1. Hàng tồn kho	141	5.7	188.911.489.199	177.407.631.124
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.7	(119.456.149)	(119.456.149)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		58.954.749	134.287.951
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.8	56.254.749	134.287.951
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.8	2.700.000	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+230+240+250+260)	200		26.317.328.528	28.843.492.687
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		52.842.865	56.535.053
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	52.842.865	56.535.053
II- Tài sản cố định	220		18.189.082.422	20.222.900.901
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	16.069.020.575	17.564.202.638
- Nguyên giá	222		43.642.943.790	41.874.855.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.573.923.215)	(24.310.652.933)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	2.120.061.847	2.658.698.263
- Nguyên giá	228		6.074.916.400	6.074.916.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.954.854.553)	(3.416.218.137)
III- Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240		2.015.171.232	2.388.459.873
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	2.015.171.232	2.388.459.873
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	4.831.869.296	4.819.767.482
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.193.869.296	3.181.767.482
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.638.000.000	1.638.000.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		1.228.362.713	1.355.829.378
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	1.228.362.713	1.355.829.378
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		588.897.841.175	447.398.465.028

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

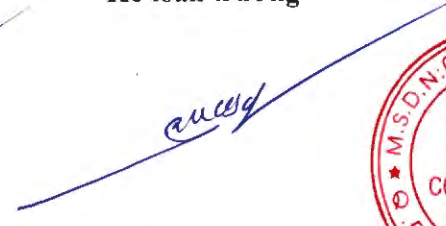
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		489.655.977.663	352.341.000.559
I- Nợ ngắn hạn	310		489.598.217.663	352.109.900.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	33.107.393.440	47.205.295.610
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	213.144.482.439	251.794.159.804
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.16	10.398.996.972	3.313.654.739
4. Phải trả người lao động	314		2.355.892.988	3.615.715.752
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	119.830.283.907	20.110.100.601
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	673.828.870	823.702.841
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	109.831.694.360	24.666.545.337
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		255.644.687	580.725.875
II- Nợ dài hạn	330		57.760.000	231.100.000
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	57.760.000	231.100.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		99.241.863.512	95.057.464.469
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	99.026.833.512	94.862.423.469
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ phiếu phổ thông biểu quyết	411a		59.770.360.000	59.770.360.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.536.882.376	18.526.140.287
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.720.352.601	2.456.636.174
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.393.035.934	2.934.423.996
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.327.316.666	(477.787.822)
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.21	13.999.238.535	14.109.287.008
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	5.20	215.030.000	195.041.000
1. Nguồn kinh phí	431		215.030.000	195.041.000
TỔNG NGUỒN VỐN (450 = 300+400)	440		588.897.841.175	447.398.465.028

Người lập



Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Đinh Đức Bộ

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019
 Giám đốc




Nguyễn Công Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

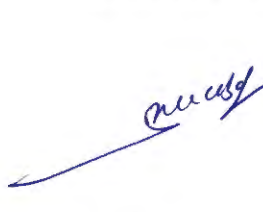
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.23	404.037.368.604	130.848.779.559
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.23	47.915.116	30.545.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.23	403.989.453.488	130.818.234.059
4. Giá vốn hàng bán	11	5.24	372.935.114.377	110.968.508.724
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		31.054.339.111	19.849.725.335
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.25	2.668.223.791	3.240.466.760
7. Chi phí tài chính	22	5.25	2.226.506.849	1.663.464.479
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.166.508.892</i>	<i>1.392.100.603</i>
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên danh liên kết	24		12.101.814	88.856.485
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	25.550.937.786	21.841.587.399
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		5.957.220.081	(326.003.298)
12. Thu nhập khác	31	5.27	925.960.771	1.307.719.565
13. Chi phí khác	32	5.27	875.213.802	551.925.886
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		50.746.969	755.793.679
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.007.967.050	429.790.381
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	1.387.113.574	317.966.533
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.620.853.476	111.823.848
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.327.316.666	(477.787.822)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		293.536.810	589.611.670
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.29	724	(80)

Người lập



Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Đinh Đức Bộ

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019
 Giám đốc



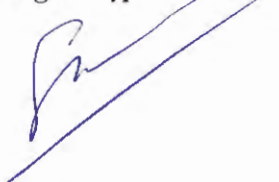
Nguyễn Công Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.007.967.050	429.790.381
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.310.516.930	5.362.514.862
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(175.320.800)	(425.906.311)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.513.793.012)	(2.858.834.200)
- Chi phí lãi vay	06		2.166.508.892	1.392.100.603
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.795.879.060	3.899.665.335
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(153.171.017.705)	(31.247.770.838)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.503.858.075)	(66.916.662.559)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		60.206.888.618	76.532.027.910
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		127.466.665	1.366.870.694
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.166.508.892)	(1.482.408.365)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(391.585.937)	(996.908.371)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.890.184.626	1.140.500.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.094.633.835)	(2.108.216.093)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		(97.307.185.475)	(19.812.902.287)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.151.812.325)	(4.477.441.140)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		259.545.455	343.554.009
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.071.991.425	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		2.513.793.012	2.604.018.641
Giảm do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết			-	(282.128.055)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.693.517.567	(6.011.996.545)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		182.960.238.457	51.510.748.845
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(97.968.429.434)	(26.813.628.302)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(352.800.000)	(6.506.236.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		84.639.009.023	18.190.884.543
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.974.658.885)	(7.634.014.289)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		82.137.132.695	89.771.146.984
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	72.162.473.810	82.137.132.695

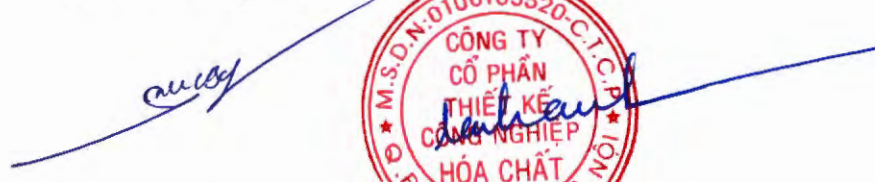
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập



Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Đinh Đức Bộ

Giám đốc



Nguyễn Công Thắng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 03 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 là 59.770.360.000 đồng. Sở hữu vốn trong Công ty tại 31/12/2018:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ
		VND	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%
Công ty Cổ phần Việt Sáng Tạo	26.801	268.010.000	0,45%
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	1.924.657	19.246.570.000	32,20%
Các cổ đông khác	744.204	7.442.040.000	12,45%
Tổng	5.977.036	59.770.360.000	100,00%

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 21 Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Số lao động tại ngày 31/12/2018 của Công ty mẹ là : 158 người (tại 01/01/2018 là 128 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010301996 ngày 24/02/2006 và đăng ký thay đổi lần 15 ngày 13/03/2018 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); Tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Xử lý chất thải công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Lập đề án bảo vệ môi trường; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường; Dịch vụ quan trắc môi trường; Tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...)

Trong năm 2018, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con, Công ty liên kết như sau:

Công ty	Ngành nghề	% Sở hữu (theo ĐKKD)	Quyền biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất	55,33%	55,33%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa Chất	Xây dựng ngành hóa chất	51,00%	51,00%
Trung tâm phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học và dịch vụ khoa học công nghệ	100,00%	100,00%
Công ty liên kết, liên doanh			
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Xây lắp	36,43%	36,43%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính Hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng nhóm Công ty được loại bỏ khi Hợp nhất Báo cáo tài chính .

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty CP Đầu tư & Phát triển Sơn Long theo hợp đồng số 02/HDCN-L18 ký ngày 18/12/2017 tổng giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 24.000.000.000 đồng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

• Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng Cân đối kế toán. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ tối đa là 5 năm.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá mua Quyền sử dụng đất và Phần mềm máy tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ văn phòng	03 - 08

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ dụng cụ đã xuất dùng nhưng chưa phân bổ hết vào kết quả sản xuất kinh doanh và có thời gian phân bổ thông thường không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp như sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20 % trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là: các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thiết kế, cung cấp thiết bị công nghiệp, xây dựng, tư vấn thiết kế và dịch vụ khác... hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và Lào. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo bộ phận kinh doanh và khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.691.523.555	3.149.848.166
Tiền gửi ngân hàng	51.447.626.781	28.987.284.529
Các khoản tương đương tiền	18.023.323.474	50.000.000.000
Tổng	72.162.473.810	82.137.132.695

5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	83.419.765.964	126.426.744.098
Các bên liên quan		
- Công ty CP DAP số 2	37.533.684.321	37.604.285.732
- Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	3.890.562.302
- Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	47.250.000	92.934.000
Bên khác		
- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	17.678.099.580
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	9.762.673.557	13.914.852.000
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	6.195.747.847	26.822.554.816
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.741.850.897	7.204.091.085
- Công ty Cổ phần Cơ khí Thái Bảo Long	3.915.102.429	4.515.102.429
- Các khách hàng khác	20.332.894.611	14.704.262.154
Dài hạn	-	-
Tổng	83.419.765.964	126.426.744.098

5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	62.769.463.416	22.926.124.137
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng AMECC	11.742.636.850	-
Công ty Cổ phần lắp máy & xây dựng Sài Gòn	7.953.287.146	-
Công ty Cổ phần tư vấn Thiết kế DK	7.447.127.325	-
Công ty TNHH cung ứng CAD	5.401.783.288	-
Công ty CP Thiết bị và truyền thông NGS	3.607.172.878	-
Công ty IMECO	2.732.723.140	-
Công ty TNHH YOKOGAWA Việt Nam	2.689.830.000	-
Công ty TNHH kỹ thuật Tiêu Điểm	2.516.910.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn	-	13.912.006.500
Công ty TNHH KSB Việt Nam	-	2.417.489.540
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và xây dựng Mỏ	2.227.744.187	2.227.744.187
Trả trước các đối tượng khác	16.450.248.602	4.368.883.910
Dài hạn	-	-
Tổng	62.769.463.416	22.926.124.137

5.4 PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (a)	327.845.118.868	19.221.769.801
Lợi nhuận ước tính (b) = (c) - (a)	17.825.352.684	1.049.040.159
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (c)	345.670.471.552	20.270.809.960
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của	(203.978.072.075)	(18.370.726.212)
Nợ còn lại (a+b+d)	141.692.399.477	1.900.083.748

5.5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	15.491.778.735	-	9.548.781.291	-
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của người lao động	44.124.035	-	93.405.448	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	19.213.109	-	54.270.395	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	-	10.000.000	-
Tạm ứng	13.197.174.666	-	8.686.328.360	-
Phải thu khác	2.201.266.925	-	704.777.088	-
Dài hạn	52.842.865	-	56.535.053	-
- Ký cược, ký quỹ	52.842.865	-	56.535.053	-
Tổng	15.544.621.600	-	9.605.316.344	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.6 NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	1.806.356.554	-	1.806.356.554	-
<i>Trong đó số đã dự phòng:</i>	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty TNHH Hóa mỹ phẩm Hòa Hợp				1.140.277.000
Công ty CP Phân lân nung chảy Lào Cai				200.000.000
Khác				466.079.554
Tổng				1.806.356.554

5.7 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.234.511.379	-	880.615.892	-
Công cụ, dụng cụ	130.030.175	-	89.003.573	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	187.518.886.403	(119.456.149)	176.409.950.417	(119.456.149)
Hàng hóa	28.061.242	-	28.061.242	-
Tổng	188.911.489.199	(119.456.149)	177.407.631.124	(119.456.149)

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự án khai thác và Chế biến muối mỏ tại Huyện Nongbok, Tỉnh Khammuane, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Dự án Muối Lào) (*)	156.799.554.207	147.302.164.055
Dự án xây dựng Nhà máy DAP 2	11.377.742.109	7.604.610.034
Các Dự án khác	19.341.590.087	21.503.176.328
Tổng	187.518.886.403	176.409.950.417

Theo thông báo số VLSC(H)/TTCL(H) - L0 4145 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào (VILACHEMSALT) - đại diện chủ đầu tư Dự án Muối Lào thực hiện theo yêu cầu tại văn bản số 1169/HCVN – ĐTXD ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, VILACHEMSALT thông báo tạm ngừng thực hiện Dự án Muối Lào theo qui định của hợp đồng

Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty đang tiếp tục làm việc với VILACHEMSALT để đàm phán về phương án tiếp tục hoặc chấm dứt hợp đồng tại 31/12/2018 số dư dở dang liên quan đến mỏ muối là 153.701.565.350 đồng, và VILACHEMSALT đã trả trước cho CECO số tiền 181.811.804.911 đồng.

5.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số được khấu trừ/ Phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	134.287.951	19.167.047.210	19.245.080.412	56.254.749
Thuế TNCN nộp thừa	-	2.700.000	-	2.700.000
Tổng	134.287.951	19.169.747.210	19.245.080.412	58.954.749

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.9 TẶNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và tài sản khác	Tổng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2018	16.107.417.235	10.820.540.546	11.904.917.353	3.041.980.437	41.874.855.571
Tăng trong năm	352.177.263	1.409.975.956	675.000.000	50.135.000	2.487.288.219
Mua mới trong năm	-	1.319.000.000	675.000.000	50.135.000	2.044.135.000
XDCB hoàn thành	352.177.263	90.975.956	-	-	443.153.219
Giảm trong năm	-	-	719.200.000	-	719.200.000
Thanh lý nhượng bán	-	-	719.200.000	-	719.200.000
Tại ngày 31/12/2018	16.459.594.498	12.230.516.502	11.860.717.353	3.092.115.437	43.642.943.790
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2018	9.721.463.409	5.363.749.271	7.873.296.084	1.352.144.169	24.310.652.933
Tăng trong năm	480.183.054	1.384.410.215	1.661.873.677	245.413.568	3.771.880.514
Khấu hao trong năm	480.183.054	1.384.410.215	1.661.873.677	245.413.568	3.771.880.514
Giảm trong năm	-	-	508.610.232	-	508.610.232
Thanh lý, nhượng bán	-	-	508.610.232	-	508.610.232
Tại ngày 31/12/2018	10.201.646.463	6.748.159.486	9.026.559.529	1.597.557.737	27.573.923.215
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2018	6.385.953.826	5.456.791.275	4.031.621.269	1.689.836.268	17.564.202.638
Tại ngày 31/12/2018	6.257.948.035	5.482.357.016	2.834.157.824	1.494.557.700	16.069.020.575

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 12.018.739.737 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 31/12/2018 là 4.822.485.859 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng
Nguyên giá			
Số dư tại 01/01/2018	1.658.166.400	4.416.750.000	6.074.916.400
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>1.658.166.400</u>	<u>4.416.750.000</u>	<u>6.074.916.400</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại 01/01/2018	151.661.565	3.264.556.572	3.416.218.137
Tăng trong năm	40.443.084	498.193.332	538.636.416
Khấu hao trong năm	40.443.084	498.193.332	538.636.416
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>192.104.649</u>	<u>3.762.749.904</u>	<u>3.954.854.553</u>
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2018	<u>1.506.504.835</u>	<u>1.152.193.428</u>	<u>2.658.698.263</u>
Tại 31/12/2018	<u>1.466.061.751</u>	<u>654.000.096</u>	<u>2.120.061.847</u>

5.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí xây dựng, lắp đặt và sửa chữa tài sản.	2.015.171.232	2.388.459.873
Tổng	<u>2.015.171.232</u>	<u>2.388.459.873</u>

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018 phản ánh giá trị máy móc chưa được lắp đặt xong

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.12 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2018		1/1/2018		
	Số lượng cổ phiếu	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết							
Công ty CP Ceco Hà Nội	306.000	36,4%	36,4%	3.193.869.296	3.181.767.482	3.181.767.482	
Đầu tư vào đơn vị khác							
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa Chất Tây Ninh	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	1.638.000.000	1.638.000.000	
Tổng				4.831.869.296	4.819.767.482	4.819.767.482	

(*) Công ty không xác định giá trị hợp lý cho các khoản đầu tư do các Công ty nhận đầu tư chưa niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	1.228.362.713	1.355.829.378
Chi phí Công cụ, dụng cụ & khác chờ phân bổ	1.228.362.713	1.355.829.378
Tổng	1.228.362.713	1.355.829.378

5.14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	33.107.393.440	33.107.393.440	47.205.295.610	47.205.295.610
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
Công ty CP CECO Hà Nội	5.930.928.912	5.930.928.912	12.210.997.067	12.210.997.067
Công ty CP DAP Số 2 - Vinachem	1.402.809.937	1.402.809.937	304.000.000	304.000.000
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nga Sơn	-	-	11.600.632.500	11.600.632.500
K-UTECH AG Salt Technologies	10.182.466.008	10.182.466.008	10.382.465.808	10.382.465.808
TSUBACO SINGAPORE PTE LTD	1.793.908.000	1.793.908.000	-	-
Các đối tượng khác	13.797.280.583	13.797.280.583	12.707.200.235	12.707.200.235
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	33.107.393.440	33.107.393.440	47.205.295.610	47.205.295.610

5.15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	213.144.482.439	251.794.159.804
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	181.811.804.911	178.887.028.173
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	25.266.521.017	65.272.983.064
Các khách hàng khác	6.066.156.511	7.634.148.567
Dài hạn	-	-
Tổng	213.144.482.439	251.794.159.804

5.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018 VND	Số phát sinh tăng trong năm VND	Số phát giảm trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế GTGT	2.565.680.735	39.574.506.677	32.709.453.573	9.430.733.839
Thuế xuất, nhập khẩu	-	215.737.675	215.737.675	-
Thuế TNDN	674.109.136	3.457.000.846	3.354.290.414	776.819.568
Thuế TNCN	59.251.921	356.008.348	304.445.808	110.814.461
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	1.256.891.032	1.256.891.032	-
Các loại thuế khác	14.612.947	333.185.061	267.168.904	80.629.104
Tổng	3.313.654.739	45.193.329.639	38.107.987.406	10.398.996.972

5.17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	119.830.283.907	20.110.100.601
- Dự án Đạm Cà Mau	119.072.639.953	14.543.625.438
- Dự án DAP Số 2		3.178.531.700
- Các Dự án khác	581.092.209	1.601.300.256
Trích trước chi phí điện, nước, phí dịch vụ chuyên môn và chi phí lãi vay	176.551.745	786.643.207
Dài hạn	-	-
Tổng	119.830.283.907	20.110.100.601

5.18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	673.828.870	823.702.841
Kinh phí công đoàn	14.277.937	203.592.827
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	126.971.220	505.250.285
Lãi vay phải trả ngân hàng	131.758.358	-
Bảo hiểm thất nghiệp	7.663.220	10.302.635
Dư có TK 141	100.954.400	-
Phải trả khác	292.203.735	104.557.094
Dài hạn	-	-
Tổng	673.828.870	823.702.841

01
INC
TNI
M
VI
HP

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	109.658.354.360	109.658.354.360	182.960.238.457	97.795.089.434	24.493.205.337	24.493.205.337
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (1)	67.098.845.057	67.098.845.057	125.373.324.807	58.274.479.750	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)	26.395.678.047	26.395.678.047	26.395.678.047	-	-	-
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Nai (3)	9.997.780.168	9.997.780.168	26.225.184.515	24.225.398.934	7.997.994.587	7.997.994.587
NH TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm (4)	3.126.051.088	3.126.051.088	3.126.051.088	8.012.390.750	8.012.390.750	8.012.390.750
Vay cá nhân (5)	3.040.000.000	3.040.000.000	1.840.000.000	7.282.820.000	8.482.820.000	8.482.820.000
Vay dài hạn đến hạn trả	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000
NH TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000
Vay dài hạn	57.760.000	57.760.000	-	173.340.000	231.100.000	231.100.000
NH TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm (6)	57.760.000	57.760.000	-	173.340.000	231.100.000	231.100.000
Tổng	109.889.454.360	109.889.454.360	183.133.578.457	98.141.769.434	24.897.645.337	24.897.645.337

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số : 01/2017/6401629/HĐTD ngày 08/12/2017, thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Hạn mức sử dụng tối đa 300 tỷ đồng. Lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể dao động từ 6% đến 8%/năm. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hình thức vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2018/CTD/VCBHN-CECO ngày 14/08/2018, Giới hạn vay 12 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực và không muộn hơn ngày 30/08/2019. Lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể dao động từ 5,9% đến 6,6%/năm. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh dự án EPC, tài trợ thương mại. Hình thức vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

(3) Vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai theo các hợp đồng tín dụng sau:
 Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 20170284/HĐTD/KHBL ngày 05 tháng 04 năm 2017; Hạn mức cho vay: tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá 8.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn cho vay: của mỗi khoản nợ tối đa 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân và được ghi trên từng Giấy Nhận nợ; Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ, áp dụng đối với nhu cầu vay vốn phục vụ kinh doanh của DN nhỏ và vừa theo nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 và được ghi trên từng giấy nhận nợ; Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay; Bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo được quy định trong hợp đồng bảo đảm số 201701227/HĐBD/KHBL ngày 05 tháng 04 năm 2017.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 20180194/HĐTD/KHBL ngày 03 tháng 04 năm 2018; Hạn mức cho vay: tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá 10.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn cho vay: của mỗi khoản nợ tối đa 8 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân và được ghi trên từng Giấy Nhận nợ; Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ, áp dụng đối với nhu cầu vay vốn phục vụ kinh doanh của DN nhỏ và vừa theo nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 và được ghi trên từng giấy nhận nợ; Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay; Bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo được quy định trong Hợp đồng bảo đảm số 20170127/HĐBB/KHBL ngày 05 tháng 04 năm 2017.

(4) Hợp đồng vay số 17798.18.057.2614259.TD ngày 29/05/2018 giữa Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Công nghiệp hóa chất và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Trong đó tổng hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán tối đa tại mọi thời điểm là 10.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 25/05/2019. Lãi suất theo từng lần nhận khế ước. Khoản vay được đảm bảo bởi bất động sản thuộc quyền sở hữu cá nhân của Giám đốc công ty.

(5) Hợp đồng vay cá nhân với lãi suất từ 0 % - 9%/ năm

(6) Hợp đồng vay số 101052.17.057.2614259.TD ngày 25/04/2017 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Số tiền vay: 520.000.000 đồng. Mục đích vay: tài trợ khách hàng mua 1 xe theo hợp đồng mua bán xe ô tô số NH0307/2017/HĐMB – MDGP ngày 13/04/2017 giữa Công ty cổ phần xây dựng và vật tư thiết bị và Khách hàng. Thời hạn cho vay 48 tháng lãi suất 9,1%/ Năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quy đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Nguồn kinh phí
Số dư tại 01/01/2017	59.770.360.000	18.457.690.767	9.585.172.303	17.072.104.992	532.533.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	(477.787.822)	589.611.670	-
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	1.140.500.000
Sử dụng nguồn kinh phí được cấp	-	-	-	-	(1.477.992.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	85.295.945	(85.295.945)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(662.098.388)	(38.961.137)	-
Cổ tức	-	-	(5.977.036.000)	(529.200.000)	-
Biến động do ảnh hưởng công ty con thành công ty liên kết	-	(16.846.425)	3.682.026	(2.984.268.517)	-
Biến động khác	-	-	70.000.000	-	-
Số dư tại 31/12/2017	59.770.360.000	18.526.140.287	2.456.636.174	14.109.287.008	195.041.000
Số dư tại 01/01/2018	59.770.360.000	18.526.140.287	2.456.636.174	14.109.287.008	195.041.000
Tăng trong năm	-	10.742.089	4.327.316.666	-	619.920.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	4.327.316.666	-	-
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	619.920.000
Tăng trong năm	-	10.742.089	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	63.600.240	110.048.473	599.931.000
Sử dụng nguồn kinh phí được cấp	-	-	-	-	599.931.000
Trích lập quỹ	-	-	63.600.240	-	-
Giảm khác	-	-	-	110.048.473	-
Số dư tại 31/12/2018	59.770.360.000	18.536.882.376	6.720.352.601	13.999.238.535	215.030.000

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận
				31/12/2018 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%	17.874.920.000
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%	14.858.820.000
Công ty Cổ phần Việt Sáng Tạo	26.801	268.010.000	0,45%	268.010.000
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%	80.000.000
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	1.924.657	19.246.570.000	32,20%	19.246.570.000
Các cổ đông khác	744.204	7.442.040.000	12,45%	7.442.040.000
Tổng	5.977.036	59.770.360.000	100,00%	59.770.360.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	59.770.360.000	59.770.360.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6.724.430.333

d) Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.977.036	5.977.036
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.977.036	5.977.036
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.536.882.376	18.526.140.287
Tổng	18.536.882.376	18.526.140.287

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.21 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của Cổ đông không kiểm soát	12.956.500.000	12.956.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	501.472.020	450.686.738
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	541.266.515	702.100.270
Tổng	13.999.238.535	14.109.287.008

5.22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ (USD)	6.834	8.572
Ngoại tệ (LAK)	100	100
Ngoại tệ (EUR)	380	390

5.23 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	370.243.867.056	109.709.088.412
Doanh thu hoạt động tư vấn thiết kế	30.331.977.478	15.898.286.119
Doanh thu Bán hàng	-	2.930.573.632
Doanh thu khác	3.461.524.070	2.310.831.396
Tổng	404.037.368.604	130.848.779.559
Các khoản giảm trừ doanh thu (<i>chiếu khấu bán hàng</i>)	47.915.116	30.545.500
Doanh thu thuần	403.989.453.488	130.818.234.059

5.24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	334.731.655.455	97.511.045.639
Giá vốn hoạt động tư vấn thiết kế	35.325.967.357	10.903.893.590
Giá vốn bán hàng	-	651.782.295
Giá vốn hoạt động khác	2.877.491.565	1.901.787.200
Tổng	372.935.114.377	110.968.508.724

5.25 DOANH THU / CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.464.837.325	2.604.018.641
Cổ tức được chia	-	636.327.119
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	203.386.466	121.000
Tổng	2.668.223.791	3.240.466.760
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	2.166.508.892	1.392.100.603
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.856.831	48.522.246
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	25.507.928	210.420.808
Chi phí tài chính khác	1.633.198	12.420.822
Tổng	2.226.506.849	1.663.464.479
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	441.716.942	1.577.002.281

5.26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.863.067.703	4.740.513.015
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	356.864.789	857.507.126
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.147.151.303	2.176.934.288
Thuế, phí, lệ phí	1.282.235.214	834.973.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi bằng tiền khác	11.901.618.777	13.231.659.551
Tổng	25.550.937.786	21.841.587.399

5.27 THU NHẬP KHÁC / CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý tài sản cố định	48.955.687	165.959.074
Xử lý nợ phải trả	81.322.000	-
Thu nhập cho thuê văn phòng	298.406.229	
Các khoản khác	497.276.855	1.141.760.491
Tổng	925.960.771	1.307.719.565
Chi phí khác		
Các khoản phạt và lãi chậm nộp	273.232.116	-
Chi phí khác	601.981.686	551.925.886
Tổng	875.213.802	551.925.886
Lãi (lỗ) hoạt động khác	50.746.969	755.793.679

5.28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.007.967.050	429.790.381
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận chịu thuế TNDN	927.600.820	1.160.042.284
- Các khoản điều chỉnh tăng	927.600.820	1.160.042.284
Lợi nhuận chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường	6.935.567.870	1.589.832.665
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	<u>1.387.113.574</u>	<u>317.966.533</u>

5.29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.327.316.666	(477.787.822)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.327.316.666	(477.787.822)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	5.977.036	5.977.036
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	724	(80)

5.30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.382.747.509	122.537.680.338
Chi phí nhân công	36.786.129.963	42.046.735.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.311.639.657	5.362.514.862
Chi phí phải trả đã trích	119.734.993.496	17.869.457.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.771.716.762	6.967.183.048
Chi phí khác bằng tiền	2.764.408.527	5.046.680.037
Tổng	<u>436.751.635.914</u>	<u>199.830.251.327</u>

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	200.000.000	240.000.000
Ban kiểm soát	Thù lao	72.000.000	120.000.000
Ban Giám đốc	Tổng thu nhập	1.480.692.380	882.313.023

6.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<u>Giao dịch bán hàng</u>			
Công ty Cổ phần DAP số 2	Cung cấp dịch vụ	246.454.091	3.721.768.824
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cung cấp dịch vụ	449.991.818	445.000.000
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	Cung cấp dịch vụ	-	69.470.909
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	1.784.438.845	951.535.455
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cung cấp dịch vụ	-	42.965.000
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	656.576.000	340.909.091
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ	1.203.013.045	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	1.375.818.182	-
<u>Giao dịch mua hàng</u>			
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Sử dụng dịch vụ	589.090.909	-
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Sử dụng dịch vụ	8.249.924.130	9.877.510.000
<u>Giao dịch khác</u>			
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Trả cổ tức	-	1.787.492.000

Số dư các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	Phải thu khách hàng	37.533.684.321	37.557.285.732
	Phải trả người bán	1.402.809.937	304.000.000
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Phải thu khách hàng	3.890.562.302	3.890.562.302
Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	Phải thu khách hàng	47.250.000	28.800.000
	Người mua trả tiền trước	-	-
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	Người mua trả tiền trước	181.811.804.911	178.887.028.173
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Phải trả người bán	5.930.928.912	12.210.997.067
	Phải thu khác	1.586.590.000	

6.2 Báo cáo bộ phận

a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; và
- Các hoạt động khác

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận theo từng đơn vị tại 31/12/2018 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ
	Hợp nhất		
31/12/2018			
Tài sản của bộ phận	309.643.058.425	25.457.660.154	(22.244.891.998)
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	3.193.869.296	-	-
Tài sản không phân bổ			272.848.145.298
Tổng tài sản			588.897.841.175
Nợ phải trả của bộ phận	242.033.114.318	5.700.694.890	(5.176.391.998)
Nợ phải trả không phân bổ			247.098.560.453
Tổng nợ phải trả			489.655.977.663
Năm kết thúc ngày 31/12/2018			
Chi tiêu vốn			2.151.812.325
Khấu hao tài sản cố định hữu hình			3.771.880.514
Khấu hao tài sản cố định vô hình			538.636.416

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 như sau

Đơn vị tính: VND

Năm kết thúc ngày 31/12/2018	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận	376.479.793.916	33.793.501.548	(6.283.841.975)	403.989.453.489
Kết quả kinh doanh của bộ phận	35.512.211.601	(4.409.957.374)	(47.915.116)	31.054.339.111
Chi phí không phân bổ				(25.109.220.844)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh				5.945.118.267
Thu nhập khác				925.960.771
Chi phí khác				(875.213.802)
Phần chia lợi nhuận của công ty liên kết				12.101.814
thuế thu nhập doanh nghiệp				(1.387.113.574)
Lợi nhuận thuần sau thuế				4.620.853.476

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận theo từng đơn vị tại 31/12/2017 như sau:

1/1/2018	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ	Hợp nhất
Tài sản của bộ phận	308.417.910.287	18.419.677.717	(29.144.299.373)	297.693.288.631
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	3.181.767.482	-	-	3.181.767.482
Tài sản không phân bổ				146.523.408.915
Tổng tài sản				447.398.465.028
Nợ phải trả của bộ phận	299.265.028.064	2.993.283.477	(9.854.778.614)	292.403.532.927
Nợ phải trả không phân bổ				59.937.467.632
Tổng nợ phải trả				352.341.000.559
Năm kết thúc ngày 31/12/2017				
Chỉ tiêu vốn				4.477.441.140
Khấu hao tài sản cố định hữu hình				4.524.272.729
Khấu hao tài sản cố định vô hình				838.242.133

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
Năm kết thúc ngày 31/12/2017								
Tổng doanh thu của bộ phận	151.028.147.937	5.210.859.528	(25.420.773.406)				130.818.234.059	
Kết quả kinh doanh của bộ phận	17.222.435.302	2.657.290.033	(30.000.000)				19.849.725.335	
Chi phí không phân bổ							(20.264.585.118)	
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							(414.859.783)	
Thu nhập khác							1.307.719.565	
Chi phí khác							(551.925.886)	
Phần chia lợi nhuận của công ty liên kết							88.856.485	
thuế thu nhập doanh nghiệp							(317.966.533)	
Lợi nhuận thuần sau thuế							111.823.848	

b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Việt Nam		Nước Cộng hòa DCND Lào		Hợp nhất	
	Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31/12/2018	31/12/2017	Tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018	31/12/2017	Tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017	31/12/2017
Doanh thu của bộ phận	403.989.453.488	130.818.234.059	156.799.554.207	147.302.164.055	403.989.453.488	130.818.234.059
Tài sản của bộ phận	357.784.000.833	179.458.335.304			514.583.555.040	326.760.499.359
Tài sản không phân bổ					74.314.286.135	120.637.965.669
Chi tiêu vốn					2.151.812.325	4.477.441.140

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập



Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Đinh Đức Bộ

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Giám đốc



Nguyễn Công Thắng

